TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 08 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn C 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2007 do Ủy ban nhân dân xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/7/2007 cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 13/7/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nguyễn Văn N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị

Nguyễn Thị T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không bị ai cản trở; Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.2. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.3. Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.4. Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002891 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 26/12/2024). Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Anh Nguyễn Văn N không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Đức Ninh (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng